

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09a/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐHPT-TA ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1993, ĐKKHKT: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện ở: xóm X, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Thế Đ**, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Thế Đ kết hôn vào ngày 14/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hoà thuận được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ban đầu là do tính cách, quan điểm của hai vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng hay xảy ra việc cãi cọ lẫn nhau. Mặt khác, do anh Đ ham chơi, không chịu làm ăn chăm lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Bằng tình cảm của người vợ chị cũng nhiều lần động viên, khuyên bảo anh Đ thay đổi cách sống để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Anh Đ không nghe mà còn đánh đập, chửi bới chị. Đến giữa năm 2015, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Nghệ An ở và vợ chồng cắt đứt mọi mối quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế từ đó đến nay. Nay chị L xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai anh Phạm Thế Đ trình bày: Anh Đ xác định vợ chồng kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân đến tháng 1/2018 thì lại về chung sống với nhau, nhưng anh và chị L về tiếp tục chung sống được khoảng 3 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng trở lại. Chị L đã đưa con về quê ngoại sống từ đó cho đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị L theo anh Đ là do hai bên kết hôn còn ít tuổi, không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay anh xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh Đ cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2013 và Phạm Bảo L, sinh ngày 07/11/2018. Hiện nay cả hai con chung đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nay quan điểm của chị L và anh Đ cùng xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi Tòa án mở phiên tòa, chị L và anh Đ đều có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc quyết vụ án: áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Thế Đ; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết; Về án phí: Chị L phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thế Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Đ đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ lâu, hai bên không tìm được giải pháp để hàn gắn tình cảm nên vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Thế Đ.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi cả hai con chung của chị L và anh Đ thì thấy: Sau khi vợ chồng sống ly thân, chị L đã cho con lớn về sống cùng chị tại thành phố V, tỉnh Nghệ An sau đó mới sinh con thứ hai. Từ thời điểm đó chị L một mình nuôi con và đảm bảo được cuộc sống cho con chung. Tại lời khai bản tự khai của cháu N có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Còn cháu Phạm Bảo L, đến thời điểm xét xử vụ án cháu L chưa đủ 36 tháng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên chị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thế Đ.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2013 và Phạm Bảo L, sinh ngày 07/11/2018 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2018/0001337 ngày 13/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích